GIẤY ỦY QUYỀN

Họ và tên cổ đông: _____ ___

Mã số cổ đông: _____ ___

Địa chỉ:_____ ___

_____ ___

CMND/CCCD: _____ ___

Số cổ phần _____ ___

Số tiền tương ứng: _____ ___

Tôi ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2023 cho người đại diện có tên dưới đây:

Họ và tên người đại diện: _____ ___

Địa chỉ:_____ ___

_____ ___

CMND/ CCCD: _____ ___

TPHCM, ngày tháng năm 2023

Người ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

MSDN: 0302066222

ADONG PAINT

ISO 9001: 2015

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp.HCM

Tel: 028.38552689

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

THƯ MỜI HỌP

Kính mời Ông/Bà: Quý Cổ đông **Mã số:**

Địa chỉ:

Đến tham dự cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2023 được tổ chức:

❖ Thời gian:

- Ngày Thứ 7 ngày 22 tháng 04 năm 2023
- Khai mạc lúc 8 giờ 00
  (bắt đầu đăng ký lúc 7 giờ 15)
- Kết thúc dự kiến lúc 11.30 giờ cùng ngày.

❖ Địa điểm: Hội trường Nhà Máy Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông Khu công nghiệp Hải Sơn, Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

❖ Nội dung: Theo chương trình nghị sự đính kèm

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần thành công cho Đại hội.
Trân trọng.

TM Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Nguyễn Thị Nhung

Ghi chú:

Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo thư mời và CMND/ CCCD để Ban tổ chức kiểm tra đăng ký tham dự và phân phối tài liệu. Trong trường hợp ủy quyền, vui lòng bổ sung thông tin ủy quyền ở trang sau.

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỌP

****

1- Kiểm tra tư cách cổ đông

2- Chào cờ, giới thiệu đại biểu, tuyên bố tiến hành đại hội

3- Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu

Nội dung chính:

4- Báo cáo tài chính năm 2022 (đã được kiểm toán).

5- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2022.

6- Đề án Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh năm 2023.

7- Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về tình hình hoạt động của Công ty năm 2022.

8- Tờ trình Đại hội về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

9- Tờ trình Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

10- Tờ trình Đại hội về tiền thù lao HĐQT năm 2022 và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

11- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm tóan độc lập Báo cáo tài chính năm 2023.

12- Công bố kết quả biểu quyết.

13- Thông qua Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Ghi chú:

Quý cổ đông có nhu cầu tham khảo tài liệu trước, vui lòng xem tại website **adongpaint.com.vn** kể từ ngày **10/04/2023** hoặc liên hệ **Ông Lê Đình Quang – Phó TGĐ (ĐTDĐ: 0903785602)** để nhận tài liệu bằng văn bản tại trụ sở Công ty - 1387 Bến Bình đông – Phường 15 – Quận 8 - TPHCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

Ngày 22 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302066222, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG, L=TPHCM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.04.13 16:37:19+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1

CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 22 NĂM 2023

Ngày 22/04/2023

Thời gian	*Chương trình*	*Người chịu trách nhiệm*	*Ghi chú*
I.	**Thủ tục**	**Ban tổ chức**	
7.15h – 8.00h	Kiểm tra tư cách cổ đông	Tiểu ban kiểm tra tư cách cổ đông	Đối chiếu CCCD, giấy ủy quyền (nếu có) với danh sách cổ đông. Phát phiếu biểu quyết, và tài liệu
II	**Khai mạc**	**Ban tổ chức**	
08h.00 – 08.15h	- Chào cờ - Giới thiệu Đại biểu - Công bố đủ điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ - Giới thiệu Chủ tọa đoàn	Ông Phan Hoàng Bảo	Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
III.	**Nội dung**	**Chủ tọa đoàn**	
08.15h – 08.50h	- Giới thiệu Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu. - Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động, kết quả SX - KD năm 2022. - Đề án kế hoạch SX – KD năm 2023.	Ông Trần Bửu Trí Ông Trần Bửu Trí	
08.50h – 09.00h	- Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2023	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	
09.00h – 09.10h	- Tờ trình ĐH về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023	Ông Lê Đình Quang	
09.10h – 09.20h	-Tờ trình ĐH về tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT&Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD	Ông Lê Đình Quang	
09.20h – 09.30h	- Tờ trình ĐH về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	Ông Lê Đình Quang	
09.30h – 09.40h	- Tờ trình ĐH về việc lựa chọn Công Ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023.	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	
09.40h -11.10h	Đại hội thảo luận , góp ý và biểu quyết các nội dung Đại hội.	Chủ tọa đoàn Ban kiểm phiếu	Các báo cáo và Tờ trình liên quan

11.10h- 11.25h	Nghỉ giải lao		
11.25h – 11.35h	- Công bố kết quả biểu quyết.	Ban kiểm phiếu	
11.35h- 11.45h	- Thông qua Nghị quyết Đại Hội	Thư ký đoàn	
11.45h	Bế mạc	Chủ tọa đoàn	Kết thúc

Ngày 22 tháng 4 năm 2023

Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Nguyễn Thị Nhung

TM. Ban tổ chức

Huỳnh Thanh Tâm

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 22 NĂM 2023:

1. Chương trình Đại hội – ĐHĐCĐ thường niên lần 22 năm 2023.
2. Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động, kết quả SX - KD năm 2022.
3. Đề án kế hoạch SX – KD năm 2023.
4. Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2023
5. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
6. Tờ trình ĐH về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.
7. Tờ trình ĐH về tiền thù lao HĐQT&BKS và tiền thưởng cho HĐQT&Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD.
8. Tờ trình ĐH về việc về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
9. Tờ trình ĐH về việc lựa chọn Công Ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH – ĐẶC ĐIỂM:

Năm 2022 là một năm đầy biến động và có nhiều thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung, cũng như Việt Nam nói riêng. Nền kinh tế trong nước tuy phục hồi nhanh hơn so với thế giới nhưng nền tảng phát triển vẫn chưa bền vững do những bất ổn về kinh tế chính trị xã hội.

Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2022 phục hồi tích cực với tốc độ tăng GDP đạt 8,02% cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Trên cơ sở các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng bao gồm tiêu dùng nội địa, hồi phục hoạt động sản xuất chế biến chế tạo, các hiệp định thương mại tự do và sự quay lại của dòng vốn FDI, Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng trưởng cho năm 2023 khoảng 6,5%.

Năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 của Việt Nam tăng 3,15% so với năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%).

Tỷ giá, mặt bằng lãi suất biến động rất lớn so với các năm, tuy vậy lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực.

Ngành công nghiệp và xây dựng đang có dấu hiệu phục hồi, làm động lực tăng trưởng cho nền kinh tế trong thời gian tới.

Với những cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, được sự chỉ đạo hợp lý và kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, đã góp phần tác động tích cực và mang đến kết quả SXKD cũng như sự phát triển của Công ty trong năm 2022.

II. CÁC BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2022:

Để thực hiện kế hoạch năm 2022 Công ty đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện như sau:

1. Rà soát và ban hành lại chính sách bán hàng đối với hệ thống đại lý và nhà phân phối để phù hợp với tình hình hiện nay của Công ty.

2. Phân chia lại thị trường khu vực tiêu thụ sản phẩm cho hệ thống đại lý và nhà phân phối nhằm khắc phục tình trạng mua bán chồng lấn phá giá lẫn nhau gây rối loạn thị trường kinh doanh
3. Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm tìm kiếm các khách hàng mới để tăng doanh thu bán hàng cho Công ty.
4. Tiếp tục sản xuất kinh doanh sản phẩm truyền thống theo hướng chất lượng cao có giá bán cạnh tranh mà các năm trước đã thực hiện.
5. Duy trì và thường xuyên việc chăm sóc khách hàng, có chính sách khuyến khích, ưu đãi hợp lý đối với những khách hàng lâu năm cũng như các khách hàng mới.
6. Thực hiện chương trình quảng cáo theo kế hoạch hàng năm để quảng bá thương hiệu các sản phẩm của Công ty ở các cửa ngõ ra vào thành phố và các tỉnh lân cận.
7. Chú trọng về công tác tuyển dụng, đào tạo đội ngũ bán hàng để nâng cao tính chuyên nghiệp hơn nhằm phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty.
8. Xây dựng lại các biện pháp quản lý hàng tồn kho nhằm hạn chế hàng hóa quá hạn sử dụng hoặc lỗi thời dẫn đến phải thanh lý hủy bỏ gây thiệt hại đến tài sản Công ty.
9. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ nhằm kiểm soát, quản lý các khoản chi tiêu trong toàn Công ty nhằm hạn chế phát sinh các chi phí không cần thiết để tăng hiệu quả SXKD.
10. Thường xuyên chú trọng công tác quản lý sản xuất để kiểm soát chặt chẽ về tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.
11. Sắp xếp cơ cấu lại các phòng ban chức năng cho phù hợp với tình hình hoạt động Công ty để mang tính chuyên môn cao hơn nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng nhân viên, tăng năng suất lao động và tăng thu nhập cho người lao động.
12. Thực hiện và điều chỉnh chính sách nhân sự, tiền lương cho phù hợp và hỗ trợ cho người lao động kịp thời trong thời gian không có việc làm nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động đạt mức sống tối thiểu trở lên để giữ chân người lao động tiếp tục làm việc với Công ty.

III.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. Kết quả sản xuất - kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Các chỉ tiêu đã được thực hiện như sau ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% Tăng trưởng	
					2022/2021	TH/KH
1	Giá trị tổng sản lượng	161.816.038	183.836.400	217.582.422	34,46%	18,36%
2	Tổng doanh thu	414.641.967	550.000.000	587.390.223	41,66%	6,80%
	Doanh thu SX chính	414.641.967		587.390.223		
	Doanh thu KD khác		-			
3	Nộp ngân sách	25.585.901	30.909.000	31.429.823	22,84%	1,69%
4	Thu nhập doanh nghiệp					
	Lợi nhuận trước thuế	62.105.545	60.000.000	50.337.527	-18,95%	-16,10%
	Lợi nhuận sau thuế	49.583.636	48.000.000	40.046.140	-19,24%	-16,57%
5	Ưu đãi thuế					
6	Tổng lao động b/q (người)	155	165	146	-5,81%	-11,52%
7	Lương thực hiện b/q (tháng)	11.096	15.278	18.438	66,17%	20,68%
8	Trích khấu hao cơ bản	14.375.287	11.737.233	11.664.375	-18,86%	-0,62%
9	Đầu tư mua sắm TSCĐ	-		1.828.972		
	Trong đó: Đầu tư TSCĐ dỡ dang	-	-	-		

1.2 *Hiệu quả kinh tế - tài chính:*

Hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất – kinh doanh năm 2022

STT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000 đ	330.930.226	358.503.421	
2	Vốn góp của cổ đông	1000 đ	230.398.500	230.398.500	
3	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000 đ	278.065.560	274.335.986	
4	Mức tăng tích lũy vốn CSH	%	3,60%	-1,30%	
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	14,98%	8,57%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	11,96%	6,82%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	14,98%	11,17%	
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	%	18,77%	14,04%	
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	17.83%	14,60%	
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn góp	%	21,52%	17,38%	

2. Tình hình tài chính Công ty:

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2022 tính đến hết ngày 31.12.2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính và Kiểm toán phía Nam (AASCS) ngày 21/02/2022 và trên cơ sở tạm tính nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành, tình hình tài chính Công ty được ghi nhận như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện 2022
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000 đ	330.930.226		358.503.421
2	Nguồn vốn chủ sỡ hữu (CSH)	1000 đ	278.065.560		274.335.986
3	Vốn đầu tư chủ sở hữu	1000 đ	230.398.500		230.398.500
4	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	15,97%	Tối đa 40 %	23,48%
5	Nợ phải thu trên Tổng Tài sản	%	17,68%	Tối đa 30 %	23,00%
6	Nguồn vốn CSH trên Tổng nguồn vốn	%	84,03%	Tối thiểu 60 %	76,52%
7	Tăng trưởng tích lũy vốn CSH	%	3,60%	Tối thiểu 5 %	-1,30%
8	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,12	2,50	3,66
9	Hạn mức vay vốn lưu động thường xuyên	1000 đ	1.200.000	-	

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT):

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường khác để triệu tập tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022.

HĐQT đã thực hiện công việc quản lý chung của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả và đúng theo quy định của pháp luật. Các hoạt động của HĐQT diễn ra đều tuân thủ đúng theo quy định của Điều lệ về chức năng – nhiệm vụ của HĐQT.

A. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong năm 2022, Trong đó:

- **Có 08 nghị quyết bao gồm:**

1. Thông qua kết quả SXKD quý 4 năm 2021
2. Chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và tạm ứng cổ tức đợt 3.2021
3. Bổ nhiệm các chức danh HĐQT và Ban Điều hành Công ty
4. Tạm ứng cổ tức đợt 1.2022
5. Thông qua kết quả SXKD quý 2 năm 2022
6. Cơ cấu tổ chức lại các phòng ban chức năng và quản trị nội bộ Công ty
7. Thông qua kết quả SXKD quý 3 năm 2022
8. Tam ứng cổ tức đợt 2 năm 2022

- **Có 08 quyết định bao gồm:**

1. Điều chỉnh đơn giá tiền lương
2. Cho cán bộ quản lý nghỉ việc
3. Thông qua danh sách tham gia ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026
4. Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán Trưởng và Trưởng các phòng ban khác
5. Thành lập và bổ nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
6. Ban hành quy chế kiểm toán nội bộ
7. Thành lập và bổ nhiệm Ban kiểm toán nội bộ và thù lao của Ban kiểm toán nội bộ
8. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ

B. Báo cáo tình hình triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu ADP tại sở giao chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE):

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai các thủ tục việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch tại sàn chứng khoán UPCOM sang đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu tại Sở giao chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nhưng hồ sơ vẫn chưa hoàn chỉnh theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE). Trong năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để sớm thực hiện việc **niêm yết cổ phiếu ADP tại sở giao chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)**

IV. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ THÁCH THỨC TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY:

Cùng với các hoạt động và kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại và khó khăn thách thức mà Công ty đang gặp phải trong năm 2022 như sau:

- Thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị. Kinh tế thế giới phục hồi sau đại dịch COVID-19 làm cho nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga và Ukraina càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới có nguy cơ phải đối diện với một cuộc khủng hoảng toàn cầu.
- Ngành công nghiệp sơn đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu từ biến động giá dầu mỏ, cuộc chiến thuế quan Mỹ – Trung chưa có hồi kết, lạm phát đang ở mức cao đã làm ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các nhà sản xuất, phân phối sản phẩm. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Sơn và mực in Việt Nam cho thấy, Việt Nam có khoảng hơn 600 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn, trong đó, các Công ty sơn nước ngoài chiếm giữ tới 65% thị phần, tập trung chủ yếu ở phân khúc sơn cao cấp.

V. KẾT LUẬN:

Thông qua nội dung báo cáo tình hình hoạt động và các kết quả thực hiện năm 2022, đồng thời điểm lại các kết quả thực hiện được, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng:

Năm 2022, tình hình kinh tế trong nước tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng nay đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại sau thời gian dài giãn cách xã hội để chống dịch. Theo đó, doanh thu thuần năm 2022 của Công ty đạt 587,39 tỷ đồng tăng 41,66% so với năm 2021. Tuy nhiên, do suy giảm kinh tế toàn cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng, lãi suất tiền vay ngân hàng tăng, chênh lệch tỷ giá giữa đồng nội tệ và đồng ngoại tệ tăng cao trong thời gian vừa qua, dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh làm cho lợi nhuận thuần chỉ đạt 50,34 tỷ đồng giảm 18,95% so với năm 2021.

Với những chính sách, giải pháp hợp lý Công ty đã linh hoạt nắm bắt, tận dụng nhiều biện pháp để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản xuất, tăng doanh số bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy vậy kết quả SXKD thực hiện vẫn chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn nhưng qua đó cũng đã thể hiện được sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra trong một năm đầy biến động và khó khăn.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng với những gì đã làm, chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2022.

Thay mặt cho HĐQT tôi chân thành cám ơn quý cổ đông, cán bộ công nhân viên Công ty, các đối tác và mọi người đã quan tâm, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành công việc trong năm vừa qua.

Trân trọng kính chào.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2023

I. CÁC CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH:

Phương án Sản xuất-kinh doanh năm 2023 được xây dựng căn cứ như sau:

- Mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát trong năm 2022, tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2023 là rất lớn. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại nhưng rủi ro tăng trở lại khá cao do xung đột giữa Nga – Ukraina vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, sự phục hồi kinh tế Trung Quốc có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng. Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2023 do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao.
- Giá bán và chi phí đầu vào được tính theo cơ cấu tương đối của các tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023.
- Kết quả thực hiện sản xuất & kinh doanh của Công ty năm 2022.
- Quy mô, năng lực sản xuất và tài chính hiện có của Công ty.

Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành trong thời gian tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cân nhắc thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho phù hợp.

II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH SX – KD NĂM 2023:

1. Tình hình chung

- Tình hình thế giới xảy ra nhiều biến động phức tạp khó lường, lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ của các nước lớn được điều hành theo hướng thắt chặt, tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn trên thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản, một số quốc gia đã bắt đầu có dấu hiệu rơi vào suy thoái và bên cạnh đó tình trạng dịch bệnh phát sinh khác nhau trên thế giới vẫn còn.
- Tình hình trong nước, theo Tổng cục thống kê dự báo năm 2023, kinh tế xã hội phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn, như biến động giá nguyên liệu, đà phục hồi tiêu dùng trong nước tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng cùng với việc điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, biến đổi khí hậu...v.v..
- Giá dầu mỏ và các chế phẩm cũng tăng theo và chưa có dấu hiệu ngừng lại.
- Ngành công nghiệp, xây dựng tăng trưởng, là động lực phát triển cho nền kinh tế.
- Áp lực cạnh tranh gay gắt với nhau giữa các Công ty sản xuất & kinh doanh sơn

2. Mục tiêu tăng trưởng qui mô sản xuất – kinh doanh:

Căn cứ vào các tình hình trên, kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2023 được xây dựng với các chỉ tiêu như sau:

- Doanh thu: 500 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 45 tỷ đồng.

3. Mục tiêu phát triển thị trường sản phẩm:

- Xây dựng nghiên cứu cho ra những sản phẩm chiến lược, công nghệ cao hơn để đáp ứng nhu cầu và tiên phong dẫn dắt thị trường
- Đưa vào thị trường các dòng sản phẩm mới nhằm phong phú thêm chủng loại và có thêm lựa chọn cho khách hàng
- Xây dựng điều chỉnh cơ chế chính sách bán hàng cho từng nhóm khách hàng, từng nhóm sản phẩm, phân loại rõ để thích ứng với thị trường hơn
- Tiếp tục mở rộng thị trường sản phẩm, tìm kiếm các khách hàng tiềm năng để tối đa hóa doanh thu bán hàng
- Ngoài việc phát triển các dòng sản phẩm mới, Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống bao gồm: Sơn Kỹ nghệ, Sơn công nghiệp độ bền cao, Sơn xây dựng và trang trí.

III. Lựa chọn đầu tư về chiều sâu nhằm phát triển các sản phẩm đang có nhu cầu tăng cao và phù hợp với thực tế năng lực của Công ty.

IV. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CỤ THỂ NĂM 2023:

1. Về sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tăng trưởng %
1	Giá trị tổng sản lượng (GCĐ 94)	1.000 đ	217.582.422	220.291.000	1,24%
2	Doanh thu sx công nghiệp	1.000 đ	587.390.223	500.000.000	-14,88%
	- Doanh thu xuất khẩu	1.000 đ	-		
3	Sản lượng sản xuất - tiêu thụ	Tấn	6.212.386	6.500.000	4,63%
4	Nộp nghĩa vụ ngân sách	1.000 đ	31.429.823	20.145.421	-35,90%
5	Thu nhập Doanh nghiệp	1.000 đ			
	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	50.337.527	45.000.000	-10,60%
	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	40.046.140	36.000.000	-10,10%
6	Tổng số lao động bình quân	người	146	150	2,74%
7	Lương thực hiện BQ tháng	1.000 đ	18.440	15.278	-17,15%
8	Trích khấu hao cơ bản	1.000 đ	11.664.375	11.000.000	-5,70%
9	Kế hoạch đầu tư XDCB	1.000 đ		5.000.000	
	- Đầu tư máy móc thiết bị		-		
	- Xây dựng, lắp đặt	1.000 đ	-	5.000.000	

2. Về tài chính

Căn cứ tình hình thực tế năm 2022 và khả năng phát triển trong năm 2023, mục tiêu phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2023 của Công ty được đề ra như sau:

- Tăng trưởng tích luỹ vốn chủ sở hữu : Không tích lũy vốn CSH
- Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn : Tối thiểu 60 %
- Nợ phải thu trên tổng tài sản : Tối đa 30 %
- Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn : Tối đa 40 %
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : Tối thiểu 2.5 lần
- Tổng hạn mức tín dụng Ngân hàng ngắn hạn : Không vay ngân hàng

V. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2023:

Nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2023, Công ty đề ra các biện pháp chủ yếu cần phải tiến hành trong năm 2023 như sau:

1. **Về hoạt động kinh doanh:**

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có biện pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình. Duy trì và phát triển vững chắc thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng thị trường tiêu thụ trong nước và ngoài nước.
- Nghiên cứu ban hành và thực thi các cơ chế chính sách kinh doanh mới phù hợp tình hình thị trường cụ thể, trong đó tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách nhằm mục tiêu phát triển thị trường mới để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2023 mà ĐHĐCĐ thường niên thông qua
- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ giữa Công ty với khách hàng, đại lý, nhà phân phối và người trực tiếp sử dụng sản phẩm của Công ty
- Đặc biệt tập trung tuyển dụng, đưa đi đào tạo các khóa chuyên sâu về kinh doanh và marketing bổ sung cho đội ngũ kinh doanh

2. **Về hoạt động Marketing:**

- Tập trung vào việc củng cố và phát triển thị trường mục tiêu, có chính sách hợp lý để phát triển thị trường mới nơi chưa có kênh phân phối và chú trọng giữ vững thị trường hiện đang có
- Nghiên cứu, thực thi các cơ chế chính sách thị trường, phân khúc thị trường, xác định nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để sản xuất cho ra những dòng sản phẩm mà xã hội cần

3. **Về quản lý sản xuất:**

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì
- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm

4. **Về chiến lược sản phẩm**

- Chú trọng phát triển các dòng sản phẩm trong tương lai là các sản phẩm sạch để thân thiện với môi trường sống của xã hội, cộng đồng.
- Ngoài các sản phẩm thế mạnh hiện nay. Công ty sẽ xem xét đưa vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mới mà Công ty đã tự nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong thời gian vừa qua.

- Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo với khách hàng để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm, tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu

5. **Về khoa học, công nghệ môi trường:**

- Tiếp tục cải tiến công nghệ, đổi mới và bố trí hợp lý thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất và chi phí quản lý để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường

- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ

6. **Về công tác tài chính**

- Tiếp tục quản lý kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản chi tiêu nội bộ, rà soát và cắt giảm các khoản chi phí không hợp lý nhằm hạn chế mua sắm, sửa chữa trang thiết bị chưa cần thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chú trọng công tác kiểm soát thường xuyên các khoản nợ phải thu không để phát sinh nợ xấu.

7. **Về tổ chức bộ quản lý**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới, tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty

- Bố trí sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý để tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao nhằm tăng thu nhập cho người lao động

8. **Về chế độ tiền lương**

- Tiếp tục hoàn thiện và cải tiến chính sách lao động - tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ, đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao

VI. CÁC DỰ ÁN MỚI NĂM 2023:

Không thực hiện các dự án mới trong năm 2023.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

M.S.D.N: 0302066222 CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG QUẬN 8 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ khoản 5 Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán báo cáo về hoạt động của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) và hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong UBKT năm 2022 với các nội dung như sau:

I. GIỚI THIỆU VỀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Tại Đại hội đồng cổ đông ("ĐHCĐ") thường niên năm 2022, đã thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty. Theo đó, cuối quý 1/2022, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông đã thành lập Ủy Ban Kiểm Toán Nội Bộ ("UBKT") trực thuộc Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của UBKT.

HĐQT đã bổ nhiệm 02 thành viên HĐQT tham gia bao gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu - Thành viên độc lập HĐQT, giữ chức vụ Chủ tịch UBKT
2. Ông Tống Trường Thịnh - Thành viên độc lập HĐQT giữ chức vụ thành viên UBKT

UBKT cũng đã thành lập bộ phận trực thuộc là Ban Kiểm toán Nội bộ ("Ban KTNB") theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP để trực tiếp thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ.

Nguyên tắc hoạt động của UBKT: Độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật

Nhiệm vụ chính của UBKT:

a. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách quản lý rủi ro ("QLRR") cho công ty, đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
b. Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ và cả năm của Công ty, kiểm tra tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, kiểm tra tính tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ của Công ty- thông qua việc quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của Ban KTNB của Công ty thực hiện theo Quy chế kiểm toán nội bộ ("KTNB"), quy trình và phương pháp KTNB.
c. Báo cáo HĐQT về các hoạt động, các vấn đề phát hiện và kiến nghị liên quan của UBKT.
d. Kiến nghị trình HĐQT về việc chọn công ty kiểm toán độc lập cho Công ty và theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan, hiệu quả của kiểm toán độc lập.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm, các thành viên đã họp, trao đổi và thống nhất với kết quả về các vấn đề như sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính quý 1/2022 của công ty.
2. Thông qua kế hoạch công việc của UBKT
3. Thông qua các vấn đề về KTNB
4. Thông qua quy trình KTNB, cơ chế làm việc của UBKT và Ban KTNB, kế hoạch và chương trình KTNB năm 2022.
5. Thông qua báo cáo tài chính quý 2, giữa niên độ và quý 3 năm 2022 của Công ty, kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022.

Ngoài ra, các thanh viên của UBKT đã:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, báo cáo kịp thời các hoạt động của UBKT, các vấn đề phát hiện và các kiến nghị liên quan của UBKT về hoạt động của Công ty.
- Đề xuất cho Công ty các chính sách QLRR, các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- Góp ý tổ chức và thực hiện đào tạo cho các cấp quản lý, nhân viên về công tác QLRR, hệ thống kiểm soát nội, kiểm toán nội bộ theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

UBKT đã xem xét và trình phê duyệt ban hành:

- Quy chế kiểm toán nội bộ
- Quyết định thành lập Ban KTNB trực thuộc UBKT
- Sơ đồ kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Các quyết định bổ nhiệm nhân sự Ban KTNB
- Quy trình KTNB và phương pháp KTNB.

UBKT đã chỉ đạo và giám sát Ban KTNB thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng quy định của pháp luật, quy chế, quy trình và phương pháp kiểm toán nội bộ của Công ty. Một số các hoạt động kiểm toán nội bộ cụ thể đã được Ban KTNB thực hiện như sau:

a. Nhận diện và đánh giá rủi ro trong hoạt động của Công ty làm cơ sở lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.

b. Kiểm toán nội bộ các bộ phận của Công ty.
   - Báo cáo tài chính quý 1, quý 2, giữa niên độ và quý 3 năm 2022 của Công ty.
   - Hoạt động mua sắm, lập hợp đồng, thanh toán

c. Hoạt động kiểm toán nội bộ theo các nội dung trên đã: (i) bao gồm nhưng không giới hạn việc kiểm tra tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành (về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác…), Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị chi tiêu nội bộ, các chính sách, quy định, quy trình của Công ty; (ii) đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro; và (iii) đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

e. Báo cáo các rủi ro đáng kể, các sai sót và các vấn đề chưa tuân thủ hoặc chưa hiệu quả trong quá trình hoạt động của Công ty.

f. Đưa ra các kiến nghị liên quan đến quy trình quản lý hoạt động, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác quản trị Công ty.
g. Theo dõi, giải thích/hướng dẫn, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các phòng ban trong công ty.

Đồng thời, UBKT cũng đã:

a) Thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty và tổ chức thực hiện giám sát việc tuân thủ của Công ty.

b) Rà soát giao dịch, hợp đồng giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

c) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán; trao đổi với tổ chức kiểm toán độc lập của Công ty để làm rõ các vấn đề phát sinh và/hoặc các rủi ro được phát hiện trong quá trình kiểm toán độc lập và kiến nghị các giải pháp xử lý hoặc ngăn ngừa rủi ro.

d) Soát xét báo cáo tài chính năm 2022. Kiểm tra thông tin trong Báo cáo thường niên năm 2022 trước khi trình HĐQT xem xét, thông qua.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA UBKT

1. Kết quả kiểm tra Báo cáo tài chính của Công ty:

- Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty kiểm toán (AASCS) không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ và không có khuyến nghị của kiểm toán độc lập.
- Xét trên các khía cạnh trọng yếu: Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Các báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm 2022: chưa thấy có sai sót trong các báo cáo tài chính này. UBKT đồng ý với những đánh giá của Ban KTNB đối với báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính năm.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong BCTC của Công ty năm 2022:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/Giảm	Mức độ thực hiện / năm trước
Tổng tài sản	đồng	**330,930,226,485**	**358,503,421,432**	27,573,194,947	108.3%
Tài sản ngắn hạn	đồng	270,709,651,430	307,980,659,379	37,271,007,949	113.8%
Tài sản dài hạn	đồng	60,220,665,055	50,522,762,053	-9,697,903,002	83.9%
Cơ cấu tài sản					
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81.80%	85.91%	4.10%	
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	18.20%	14.09%	-4.10%	
Tổng nguồn vốn	đồng	**330,930,226,485**	**358,503,421,432**	27,573,194,947	108.3%
Nợ phải trả	đồng	52,864,665,516	84,167,434,784	31,302,769,268	159.2%
Vốn chủ sở hữu	đồng	278,065,560,969	274,335,986,648	-3,729,574,321	98.7%
Cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15.97%	23.48%	7.50%	
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84.03%	76.52%	-7.51%	
Khả năng sinh lời					
Doanh thu thuần	đồng	414,641,967,106	587,390,224,936	172,748,257,830	141.7%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	62,287,648,178	50,407,769,283	-11,879,878,895	80.9%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	49,684,436,438	40,046,140,679	-9,638,295,759	80.6%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (ROE)	%	17.87%	14.60%	-3.27%	
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	15.01%	11.17%	-3.84%	
Lợi nhuận thuần từ HĐKD/ Doanh thu Thuần	%	15.02%	8.58%	-6.44%	

Nhận xét:

Mặc dù năm 2022 thị trường vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi hậu đại dịch Covid-19 nhưng Công ty đã rất cố gắng và có các thay đổi trong quản lý, sản xuất cũng như kinh doanh nên vẫn đạt được kết quả kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận và duy trì sức khoẻ tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản tăng trưởng tốt: tổng tài sản cuối năm 2022 tăng hơn 27 tỷ đồng so với cuối năm 2021 (tương đương 8.3%), với sự gia tăng mạnh của tài sản ngắn hạn tăng 13.8%). Vốn chủ sở giảm hơn 3,7 tỷ đồng (tương ứng 1.3%)
- Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn dịch chuyển theo chiều hướng tích cực hơn: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng 4.10%. Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng 7.5% so với cuối năm trước
- Mặc dù doanh thu thuần năm 2022 tăng khoảng hơn 172 tỷ đồng, tương ứng 41,7 % so với năm trước, nhưng lợi nhuận thuần giảm hơn 11 tỷ đồng, tương ứng 19,1% so với năm trước .
- Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (ROE) năm 2022 đạt 14,6% (giảm 3,27% so với năm 2021) và lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) năm 2022 đạt 11,39% (giảm 3,84% so với năm 2021)
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần năm 2022 đạt 8,73% (giảm 6,44% so với năm 2021)

2. Kết quả kiểm tra tính tuân thủ quy định của pháp luật, kết quả rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ

a. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, người lao động và các yêu cầu khác theo các quy định của pháp luật.

b. Không phát hiện trường hợp không tuân thủ đáng kể nào đối với quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ của Công ty.

c. Không phát hiện trường hợp nào không tuân thủ về giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và người có liên quan theo quy định thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

3. Kết quả kiểm tra tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty

a. Hệ thống tài liệu quản lý của Công ty đã được xây dựng theo nguyên tắc phù hợp với quy định pháp luật, yêu cầu và nguyên tắc quản trị của Công ty; đã được truyền thông đến toàn thể người lao động để nắm vững và thực hiện.

b. Phát hiện ra bất cập và không phù hợp trong quản lý tài sản về quản lý kho, xuất nhập nguyên liệu cho sản xuất. Ban KTNB đã cùng Ban Lãnh đạo đưa ra các giải pháp khắc phục kết quả là quản lý có tính chuyên nghiệp, giải quyết được các nguyên liệu tồn kho lâu năm, giảm lượng hàng tồn kho. Quy trình xuất nhập đã được kiểm soát.

c. Các hoạt động diễn ra trong toàn Công ty đều được kiểm soát ở các cấp theo quy định, chủ trương/yêu cầu của lãnh đạo. Trong đó: (1) Ban kiểm soát nội bộ đã thực hiện vai trò của Kiểm soát nội bộ thông qua việc kiểm soát tài chính, kiểm soát tuân thủ và giám sát các hoạt động (chú trọng việc kiểm soát hợp đồng và kiểm soát chi phí), (2) Công ty cũng đã triển khai các biện pháp quản lý rủi ro và đặc biệt quan tâm triển khai thực hiện các giải pháp quản lý bằng công nghệ thông tin.

d. Thông qua việc đánh giá định kỳ, Ban KTNB đã thực hiện kiểm toán nội bộ định hướng theo rủi ro, đã có các kiến nghị để cải tiến quy trình quản lý và hoạt động của Công ty.

4. Kết quả giám sát Ban KTNB

Ban KTNB đã thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm, quyền hạn; đúng nguyên tắc cơ bản, chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật, quy chế , quy trình và phương pháp kiểm toán nội bộ của Công ty.

5. Kết quả kiểm tra thông tin trongg Báo cáo thường niên ("BCTN") 2022

Báo cáo thường niên năm 2022 đã được Công ty thể hiện đầy đủ, chính xác, phù hợp theo đúng các quy định hiện hành.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA UỶ BAN KIỂM TOÁN

1. UBKT kiến nghị đến HĐQT:

HĐQT định hướng, thiết lập cơ chế, dành nguồn lực và ngân sách, chỉ đạo và giám sát việc:

a. Củng cố, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
b. Tăng cường số lượng, chất lượng và năng lực nguồn nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung.
c. Kiến nghị HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023.

2. UBKT kiến nghị đến Ban lãnh đạo:

a. Cải tiến hoàn thiện hệ thống tài liệu quản lý hiện có (cơ cấu tổ chức, quy định, quy trình...) phù hợp với:
   - Các thay đổi về cơ cấu tổ chức, phân quyền quản lý và điều hành Công ty xuất phát từ thay đổi mục tiêu chiến lược và quy mô tổ chức.
   - Các yêu cầu quản lý rủi ro khi áp dụng các quy trình quản lý.

b. Tổ chức truyền thông định kỳ, liên tục về mục tiêu kinh doanh, văn hoá Công ty, quản lý rủi ro và hệ thống tài liệu quản lý cho đội ngũ quản lý và toàn thể nhân viên của Công ty.

c. Tiếp tục triển khai và kiểm soát các hoạt động cho toàn Công ty theo các nguyên tắc:
   - Các phòng/ban chuyên môn thiết lập và duy trì các quy trình thích hợp để quản lý hoạt động trong quá trình vận hành.
   - Kiểm soát nội bộ thiếp lập khung quản lý và triển khai công tác quản trị cho toàn Công ty dựa trên chiến lược quản lý rủi ro của Công ty; kết nối đồng bộ và hiệu quả các quy trình vận hành của các phòng, bộ phận giám sát và đánhh giá tính tuân thủ của các phòng/bộ phận chuyên môn, qua đó đánh giá mức độ hiệu quả của kiểm soát rủi ro và tham vấn cải thiện.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT NĂM 2023

1. Tiếp tục thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, quyền hạn của UBKT theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế hoạt động của UBKT.
2. Tiếp tục giám sát việc Ban lãnh đạo thực hiện các kiến nghị và khuyến nghị của UBKT/Ban KTNB.
3. Chỉ đạo và giám sát Ban KTNB thực hiện các hoạt động KTNB định hướng theo rủi ro đối với Công ty và các phòng/ bộ phận theo kế hoạch KTNB năm 2023 được HĐQT phê duyệt và KTNB đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP

- HĐQT đã quyết định các chiến lược của Công ty; thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban lãnh đạo và những người điều hành doanh nghiệp khác; thực hiện phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo ĐHĐCĐ theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Ban lãnh đạo đã triển khai thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, quyết định đã được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua và thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban lãnh đạo được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Không phát hiện trường hợp nào HĐQT, Ban lãnh đạo và những người điều hành doanh nghiệp khác có vấn đề không trung thực hoặc xung đột về lợi ích với Công ty.

VII. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA UBKT VỚI HĐQT, BAN LÃNH ĐẠO

- HĐQT đã ban hành kịp thời các quyết định, chỉ đạo UBKT.
- UBKT thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ và các kiến nghị đến HĐQT.
- Ban lãnh đạo đã tạo điều kiện thuận lợi để UBKT tiếp cận thông tin, tài liệu, hồ sơ, báo cáo và Ban KTNB thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ.
- Thông qua việc tham gia các cuộc họp của Ban điều hành và thông qua các báo cáo của kiểm toán nội bộ, UBKT đã kịp thời kiến nghị đến lãnh đạo các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát của Công ty.

VIII. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA UBKT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN UBKT

Các thành viên UBKT hưởng thù lao, các lợi ích khác cùng với vai trò là thành viên HĐQT;

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
CHỦ TỊCH UỶ BAN KIỂM TOÁN

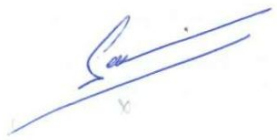

Nguyễn Thị Minh Sáu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gởi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 13 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/04/2022;
- Căn cứ nghị quyết số 003/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 22/04/2022;
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD trong năm 2022(đã được kiểm toán), theo đó lợi nhuận năm 2022 sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp: **40.046.140.679 đồng;**
- Căn cứ chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Bao gồm:

- *Lợi nhuận sau thuế năm 2021 chuyển sang*	:	22.000.000.000 đồng
- *Lợi nhuận sau thuế năm 2022*	:	40.046.140.679 đồng (*)
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS) (b/q)	:	1.738 đồng
Lợi nhuận sau thuế được phân phối	**:**	**62.046.140.679 đồng**

Trong đó:

A. Chi trả cổ tức năm 2022 (17.00%/VĐL)	**:**	**39.167.745.000 đồng** T/đương 97,80 % (*)
Trong đó:		
Chi tạm ứng đợt 1/2022 (ngày 20/06/2022)	:	*11.519.925.000 đồng (Tỷ lệ 05.0%/Vốn góp)*
Chi tạm ứng đợt 2/2022 (ngày 14/11/2022)	:	*13.823.910.000 đồng (Tỷ lệ 06.0%/Vốn góp)*
Chi tạm ứng đợt 3/2022 (ngày 15/03/2023)	:	*13.823.910.000 đồng (Tỷ lệ 06.0%/Vốn góp)*
B. Lập quỹ Quỹ đầu tư phát triển	**:**	**Không lập quỹ**
C. Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	**:**	**22.878.395.679 đồng**

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023

Dự kiến kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty CP Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu : 500.000.000.000 đồng
- Chi phí : 455.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 45.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 36.000.000.000 đồng
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS) : 1.563 đồng

Trên cơ sở kế hoạch lợi nhuận nêu trên và nguồn vốn tích lũy từ các năm trước, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

- **Chi trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu : 12 % / Vốn góp**

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD

Kính gởi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 13 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/04/2022.
- Căn cứ tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm toán nội bộ trong năm 2022.
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD như sau:

I. Tiền thù lao HĐQT năm 2022 đã thực chi

Thù lao Hội đồng quản trị : 71.000.000 đồng/tháng (07 người), Trong đó:
- Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT năm 2022: **852.000.000 đồng**

(Tám trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn)

II. Tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành năm 2023

1. Thù lao Hội đồng quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người), Trong đó:
- Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch : 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2023: **870.000.000 đồng**

(Tám trăm bảy mươi triệu đồng chẵn)

2. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD cho năm 2023: Với số tiền thưởng 3% lợi nhuận sau thuế và nếu vượt kế hoạch được thưởng bổ sung 3% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Theo Nghị quyết số...../NQ-HĐQT ngày 10/04/2023 của Hội đồng quản trị (HĐQT) về việc thông qua tài liệu và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ). Nay HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc *Sửa đổi bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Sơn Á Đông như sau:*

Theo Điều 3 Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua ngày 22/04/2022. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**: Tổng Giám đốc Công ty** nay được đề nghị đổi lại Người đại diện theo pháp luật của Công ty: **Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người khác do Hội đồng quản trị chỉ định.**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2023

Kính gởi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯƠNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 13 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua ngày 22/04/2022.

- Để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nay Hội đồng quản trị Công ty đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. Đây là Công ty đã thực hiện việc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của Công ty trong những năm qua có năng lực, uy tín và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các Công ty niêm yết.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

NGUYỄN THỊ NHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
Số : /NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG NĂM 2023

(V/v: Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2023)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2022 thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ các kết quả biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 (*chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm*) .

Trong đó : -Tổng doanh thu năm 2022 : 587.390.224.936 đ
- Lợi nhuận trước thuế : 50.337.527.224 đ
- Lợi nhuận sau thuế : 40.046.140.679 đ (*)

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 2. Thông qua Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2023 (*chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm)*

Trong đó : - Tổng doanh thu theo kế hoạch năm 2023 : 500.000.000.000đ
- Lợi nhuận trước thuế : 45.000.000.000đ
- Lợi nhuận sau thuế : 36.000.000.000đ

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ ……% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (*chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm*) .

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) (*chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm*).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 chuyển sang: 22.000.000.000đ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 40.046.140.679đ
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS): 1.738đ
- * Lợi nhuận sau thuế được phân phối: 62.046.140.679đ

Trong đó:

- Chi trả cổ tức năm 2022 là 17.00%/VĐL : 39.167.745.000đ
  - Chi đợt 1/2022 (ngày 20/06/2022): 11.519.925.000đ (Tỷ lệ 05.00%/VĐL)
  - Chi đợt 2/2022 (ngày 14/11/2022): 13.823.910.000đ (Tỷ lệ 06.00%/VĐL)
  - Chi đợt 3/2022 (ngày 15/03/2023): 13.823.910.000đ (Tỷ lệ 06.00%/VĐL)
- Lập quỹ Quỹ đầu tư phát triển: Không lập quỹ.
- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau: 22.878.395.679đ

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023:

Kế hoạch tài chính năm 2023 của CTCP Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu:	500.000.000.000đ
- Chi phí:	455.000.000.000đ
- Lợi nhuận trước thuế:	45.000.000.000đ
- Lợi nhuận sau thuế:	36.000.000.000đ
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS):	1.563đ

+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu: 12%/VĐL

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

Điều 6. Thông qua Tờ trình về tiền thù lao HĐQTvà tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

I. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị năm 2022:

Thù lao Hội đồng Quản trị: 71.000.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch:	14.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác:	9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT năm 2022 là: 852.000.000 đồng *(Tám trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn)*

II. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành hoàn thành kế hoạch năm 2023:

1. Thù lao Hội đồng Quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch:	14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch:	11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác:	9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT năm 2023 là: 870.000.000 đồng *(Tám trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).*

2. Tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh: Với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, và nếu vượt kế hoạch sẽ được thưởng bổ sung 3% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (*chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm*) .

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023. Chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ …… % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 10. Nghị quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên lần thứ 22 năm 2023 Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2023.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
Chủ toạ Đại Hội

Nơi nhận :
- Cổ đông Công ty
- HĐQT
- Ban TGĐ
- Lưu.

Nguyễn Thị Nhung

AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

A Member of msi Global Alliance Independent Legal & Accounting Firms

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 18/05/2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	230.398.500.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022	:	230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng quản trị

Bà	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông	Trần Bửu Trí	Thành viên
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông	Võ Hồng Hà	Thành viên
Bà	Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập
Ông	Tống Trường Thịnh	Thành viên độc lập

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc

Bà	Dương Thị Thuỳ Hương	Tổng Giám đốc
Ông	Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Võ Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ủy Ban Kiểm toán

Bà	Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch
Bà	Tống Trường Thịnh	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông Võ Hồng Hà

Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Thanh Tâm

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022.

Duyệt, ngày 21 tháng 02 năm 2023
TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn Thị Nhung

Duyệt, ngày 21 tháng 02 năm 2023
TM. Ban Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Quang

Số : 19 /BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG, được lập ngày 06/02/2023, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam	
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Đỗ Khắc Thanh	**Dương Thị Quỳnh Hoa**
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2023-142-1	Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**307.980.659.379**	**270.709.561.430**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**10.745.023.537**	**10.563.257.221**
Tiền	111		10.745.023.537	10.563.257.221
Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**140.000.000.000**	**130.000.000.000**
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		140.000.000.000	130.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**82.359.824.196**	**58.521.066.983**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.290.997.823	57.382.059.571
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.102.396.830	1.374.516.667
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.570.457)	(235.509.255)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**74.331.708.089**	**71.587.688.460**
Hàng tồn kho	141	V.7	74.331.708.089	71.587.688.460
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**544.103.557**	**37.548.766**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	536.956.275	37.548.766
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	7.147.282	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**50.522.762.053**	**60.220.665.055**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**50.385.262.053**	**60.220.665.055**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.411.611.351	42.762.052.905
- Nguyên giá	222		139.530.721.565	141.179.203.005
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(106.119.110.214)	(98.417.150.100)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.973.650.702	17.458.612.150
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(7.274.421.734)	(6.789.460.286)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**137.500.000**	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	137.500.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**358.503.421.432**	**330.930.226.485**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**84.167.434.784**	**52.864.665.516**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**84.167.434.784**	**52.864.665.516**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	60.649.977.759	36.611.225.958
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.949.209	98.293.121
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.354.899.737	10.261.982.089
Phải trả người lao động	314		15.005.280.498	5.406.362.137
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.045.285.174	435.759.804
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.14**	**274.335.986.648**	**278.065.560.969**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**274.335.986.648**	**278.065.560.969**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*230.398.500.000*	*230.398.500.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.235.180.969	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.702.305.679	47.667.060.969
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*22.000.000.000*	*22.659.278.531*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*14.702.305.679*	*25.007.782.438*
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**358.503.421.432**	**330.930.226.485**

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thục Thanh	Huỳnh Thanh Tâm	Lê Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**589.119.603.059**	**416.354.104.341**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.729.378.123	1.712.137.235
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**587.390.224.936**	**414.641.967.106**
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	498.238.820.034	322.981.713.037
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**89.151.404.902**	**91.660.254.069**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.586.920.050	6.156.553.503
Chi phí tài chính	22	VI.5	564.945.490	23.424.500
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*17.490.000*	*23.424.500*
Chi phí bán hàng	25	VI.8	22.949.104.554	17.988.693.626
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	23.816.505.625	17.517.041.268
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**50.407.769.283**	**62.287.648.178**
Thu nhập khác	31	VI.6	10.529.059	249.787
Chi phí khác	32	VI.7	80.771.118	182.352.417
Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(70.242.059)**	**(182.102.630)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**50.337.527.224**	**62.105.545.548**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	10.291.386.545	12.521.909.110
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**40.046.140.679**	**49.583.636.438**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.738	2.575
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.738	2.575

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thục Thanh	Huỳnh Thanh Tâm	Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		613.747.416.549	441.069.220.301
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(454.239.661.861)	(276.983.875.586)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.905.711.428)	(29.404.391.699)
Tiền lãi vay đã trả	04		(17.490.000)	(23.424.500)
Thuế TNDN đã nộp	05		(13.498.137.343)	(9.807.457.016)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.729.237.631	2.539.126.199
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(85.760.909.596)	(91.298.083.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**38.054.743.952**	**36.091.114.589**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.658.972.727)	(211.564.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.373.318.391	4.654.240.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**3.714.345.664**	**4.442.676.628**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000	550.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	(8.470.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.587.323.300)	(37.940.515.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(41.587.323.300)**	**(45.860.515.400)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**181.766.316**	**(5.326.724.183)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**10.563.257.221**	**15.889.981.404**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**		**10.745.023.537**	**10.563.257.221**

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thục Thanh	Huỳnh Thanh Tâm	Lê Đình Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 18/05/2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	230.398.500.000	VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022	:	230.398.500.000	VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08	năm
- Máy móc, thiết bị	06-08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07	năm
- Thiết bị văn phòng	06-07	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08	năm
- Tài sản vô hình	03-05	năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50	năm

5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua,bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:
- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	**314.058.045**	**544.149.724**
+ Tiền mặt (VND)	314.058.045	544.149.724
- Tiền gửi ngân hàng	**10.430.965.492**	**10.019.107.497**
+ Tiền gửi (VND)	10.430.965.492	10.019.107.497
Tiền gửi Vietinbank - CN 6	*10.033.893.389*	*8.363.400.539*
Tiền gửi Sacombank - CN Bình Tây	*397.072.103*	*1.655.706.958*
Cộng	**10.745.023.537**	**10.563.257.221**

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	140.000.000.000	140.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam CN.6	-	-	*27.000.000.000*	*27.000.000.000*
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	*140.000.000.000*	*140.000.000.000*	*103.000.000.000*	*103.000.000.000*
	140.000.000.000	**140.000.000.000**	**130.000.000.000**	**130.000.000.000**

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	15.122.381.658	11.888.833.593
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	774.821.793	1.703.059.813
- Công Ty Tôn Phương Nam	60.367.604.990	36.797.889.087
- Công ty TNHH GREIF Việt Nam	691.815.564	290.836.282
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	1.328.035.233	2.594.359.067
- Đối tượng khác	2.006.338.585	4.107.081.729
Cộng	**80.290.997.823**	**57.382.059.571**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm tài sản	37.253.393	-
- Chi phí quảng cáo	183.333.334	-
- Chi phí sửa chữa	277.702.879	37.548.766
- Chi phí khác	38.666.669	-
- Chi phí di dời MMTB		
Cộng	**536.956.275**	**37.548.766**
Dài hạn		
- Chi phí di dời MMTB	-	-
Cộng	-	-

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	10.000.000	-	60.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	2.092.396.830	-	1.294.516.667	-
+ BHYT, BHXH, BHTN	*1.364.200*	-	-	-
+ Lãi tiền gởi tiết kiệm	*2.030.498.630*	-	*1.288.516.667*	-
+ Các đối tượng khác	*60.534.000*	-	*6.000.000*	-
Cộng	**2.102.396.830**	-	**1.374.516.667**	-

6 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	33.570.457	-	235.509.255	-
Chi tiết:				
Công Ty TNHH SX TM Và DV Vương Thái Bình	-	-	70.739.255	-
Công Ty TNHH Thanh Bình	-	-	48.677.000	-
Công Ty CP Sản Phẩm Thép Nam	-	-	36.200.000	-
Công Ty CP TM DV&SX Lâm Hiệp Hưng	-	-	79.893.000	-
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	16.620.000	-		-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	12.950.457	-		-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh	4.000.000	-		-
Cộng	**33.570.457**	-	**235.509.255**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	43.780.119.139	-	40.374.889.733	-
- Chi phí SXKD dở dang	85.727.572	-	2.730.256.588	-
- Thành phẩm	30.465.861.378	-	28.482.542.139	-
Cộng	**74.331.708.089**	**-**	**71.587.688.460**	**-**

8 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm TSCĐ	137.500.000	-
Cộng	**137.500.000**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**66.370.926.176**	**55.509.034.956**	**9.592.984.289**	**2.884.687.309**	**6.821.570.275**	**141.179.203.005**
Số tăng trong năm	**-**	**-**	**1.213.972.727**	**-**	**615.000.000**	**1.828.972.727**
- Mua trong năm	-	-	1.213.972.727	-	615.000.000	1.828.972.727
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	**-**	**2.142.847.965**	**-**	**38.763.000**	**1.295.843.202**	**3.477.454.167**
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.142.847.965	-	38.763.000	1.295.843.202	3.477.454.167
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	**66.370.926.176**	**53.366.186.991**	**10.806.957.016**	**2.845.924.309**	**6.140.727.073**	**139.530.721.565**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**31.808.436.647**	**50.258.733.575**	**7.924.527.925**	**2.573.576.720**	**5.851.875.233**	**98.417.150.100**
Số tăng trong năm	**5.681.505.128**	**4.335.304.052**	**558.503.990**	**347.388.500**	**733.619.459**	**11.656.321.129**
- Khấu hao trong năm	5.681.505.128	4.335.304.052	558.503.990	347.388.500	256.712.611	11.179.414.281
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	476.906.848	476.906.848
Số giảm trong năm	**-**	**2.142.847.965**	**-**	**515.669.848**	**1.295.843.202**	**3.954.361.015**
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.142.847.965	-	38.763.000	1.295.843.202	3.477.454.167
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	476.906.848	-	476.906.848
Số dư cuối năm	**37.489.941.775**	**52.451.189.662**	**8.483.031.915**	**2.405.295.372**	**5.289.651.490**	**106.119.110.214**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**34.562.489.529**	**5.250.301.381**	**1.668.456.364**	**311.110.589**	**969.695.042**	**42.762.052.905**
Tại ngày cuối năm	**28.880.984.401**	**914.997.329**	**2.323.925.101**	**440.628.937**	**851.075.583**	**33.411.611.351**

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.590.710.512

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**24.248.072.436**	-	-	-	-	**24.248.072.436**
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**24.248.072.436**	-	-	-	-	**24.248.072.436**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**6.789.460.286**	-	-	-	-	**6.789.460.286**
Số tăng trong năm	**484.961.448**	-	-	-	-	**484.961.448**
- Khấu hao trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**7.274.421.734**	-	-	-	-	**7.274.421.734**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**17.458.612.150**	-	-	-	-	**17.458.612.150**
Tại ngày cuối năm	**16.973.650.702**	-	-	-	-	**16.973.650.702**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công Ty Arkema Coating Resin	17.035.024.160	17.035.024.160	9.827.191.680	9.827.191.680
- Công Ty TNHH Nordor A/S	4.204.569.600	4.204.569.600	3.421.791.300	3.421.791.300
- Công Ty CP Hc Ma Ha	2.837.850.069	2.837.850.069	774.262.500	774.262.500
- DNTN TM DV Bình Phú	3.931.692.848	3.931.692.848	762.409.907	762.409.907
- Công Ty Nam Đan	343.200.000	343.200.000	41.580.000	41.580.000
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoá Chất (HN)	2.327.195.200	2.327.195.200	1.619.930.257	1.619.930.257
- Công Ty Phụ Gia Tầm Nhìn Afcona	3.391.710.025	3.391.710.025	1.408.584.936	1.408.584.936
- Aditya Birla Chemicals.LTD	-	-	1.507.492.800	1.507.492.800
- Brenntag Pte LTD	-	-	4.103.055.000	4.103.055.000
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	1.328.035.233	1.328.035.233	-	-
- Đối tượng khác	25.250.700.624	25.250.700.624	13.144.927.578	13.144.927.578
Cộng	**60.649.977.759**	**60.649.977.759**	**36.611.225.958**	**36.611.225.958**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
12.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.322.208.413	58.739.022.492	57.521.908.480	2.539.322.425
+ Thực nộp bằng tiền	*1.322.208.413*	*11.484.847.183*	*10.267.733.171*	*2.539.322.425*
+ Được khấu trừ	-	*47.254.175.309*	*47.254.175.309*	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.791.330.988	15.791.330.988	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.022.328.110	10.291.386.545	13.498.137.343	4.815.577.312
Thuế thu nhập cá nhân	917.445.566	2.831.863.010	3.749.308.576	-
Thuê đất, thuế nhà đất	-	511.138.368	511.138.368	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**10.261.982.089**	**88.168.741.403**	**91.075.823.755**	**7.354.899.737**
12.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	7.147.282	7.147.282
Cộng	**-**	**-**	**7.147.282**	**7.147.282**

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- KPCĐ	733.232.824	435.759.804
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	312.052.350	-
+ Đối tượng khác	*312.052.350*	-
Cộng	**1.045.285.174**	**435.759.804**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**153.599.140.000**	-	-	-	**58.139.651.327**	**56.678.901.204**	**268.417.692.531**
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	49.583.636.438	49.583.636.438
- Tăng vốn trong năm trước	76.799.360.000	-	-	-	-	-	76.799.360.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ							
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(58.139.651.327)	(34.019.622.673)	(92.159.274.000)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu						*(18.659.708.673)*	*(18.659.708.673)*
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển					*(58.139.651.327)*		*(58.139.651.327)*
+ Chia cổ tức bằng tiền						*(15.359.914.000)*	*(15.359.914.000)*
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-		(24.575.854.000)	(24.575.854.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)	**230.398.500.000**	-	-	-	-	**47.667.060.969**	**278.065.560.969**
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	40.046.140.679	40.046.140.679
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ							-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	*7.235.180.969*	*(7.235.180.969)*	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.431.880.000)	(18.431.880.000)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng tiền					-	*(18.431.880.000)*	*(18.431.880.000)*
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(25.343.835.000)	*(25.343.835.000)*
Số dư cuối năm	**230.398.500.000**	-	-	-	**7.235.180.969**	**36.702.305.679**	**274.335.986.648**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	37.006.690.000	37.006.690.000
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Trí	26.165.680.000	26.165.680.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	21.240.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	145.986.130.000	145.986.130.000
Cộng	**230.398.500.000**	**230.398.500.000**

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Vốn góp đầu năm	230.398.500.000	153.599.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	76.799.360.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	230.398.500.000	230.398.500.000
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế	(43.775.715.000)	(24.575.854.000)

14.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	23.039.850
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu*

14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.235.180.969	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	77.610.000	32.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm	589.041.993.059	416.322.104.341
Cộng	**589.119.603.059**	**416.354.104.341**

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	1.729.378.123	1.085.873.355
- Hàng bán bị trả lại	-	626.263.880
Cộng	**1.729.378.123**	**1.712.137.235**

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	66.822.283	24.000.000
- Giá vốn thành phẩm đã bán	498.171.997.751	322.957.713.037
Cộng	**498.238.820.034**	**322.981.713.037**

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.586.920.050	5.220.551.740
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	936.001.763
Cộng	**8.586.920.050**	**6.156.553.503**

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	17.490.000	23.424.500
- Chi phí tài chính khác	547.455.490	-
Cộng	**564.945.490**	**23.424.500**

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	10.529.059	249.787
Cộng	**10.529.059**	**249.787**

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	80.771.118	182.352.417
Cộng	**80.771.118**	**182.352.417**

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	357.134.817	929.330.562
- Chi phí nhân công	11.150.445.857	9.055.322.729
- Chi phí khấu hao	925.938.698	700.673.530
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.069.324.620	6.097.451.513

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.446.260.562	1.205.915.292
Cộng	**22.949.104.554**	**17.988.693.626**

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	811.138.420	2.424.137.333
- Chi phí công cụ, dụng cụ	461.837.453	-
- Chi phí nhân công	13.835.642.458	9.581.806.573
- Chi phí khấu hao	1.024.091.835	468.931.304
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.214.887.294	1.562.612.408
- Thuế, phí, lệ phí	80.557.416	-
- Các khoản chi phí QLDN khác	5.388.350.749	3.479.553.650
Cộng	**23.816.505.625**	**17.517.041.268**

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	491.739.736.751	317.013.151.357
- Chi phí nhân công	44.861.528.065	33.322.663.199
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.664.375.729	14.375.288.616
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.746.115.267	14.874.381.223
- Chi phí bằng tiền khác	19.362.219.246	6.406.246.414
Cộng	**576.373.975.058**	**385.991.730.809**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.215.158.312	12.521.909.110
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	76.228.233	-
Cộng	**10.291.386.545**	**12.521.909.110**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50.337.527.224**	**62.105.545.548**
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	738.264.334	504.000.000
+ Các khoản điều chỉnh tăng	738.264.334	504.000.000
Chi phí phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế, chi phí dự phòng	*114.264.334*	-
Thù lao hội đồng quản trị	*624.000.000*	*504.000.000*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	**51.075.791.558**	**62.609.545.548**
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	**10.291.386.545**	**12.521.909.110**
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	10.215.158.312	12.521.909.110
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	76.228.233	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	40.046.140.679	49.583.636.438
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	19.252.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**1.738**	**2.575**

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	40.046.140.679	49.583.636.438
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	19.252.484
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.738**	**2.575**

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.000.000.000

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(3.000.000.000)

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	Thù lao, lương, thưởng	416.173.439	1.035.987.688
Trần Bửu Trí	Thù lao, lương, thưởng	330.025.199	883.396.723
Lê Đình Quang	Thù lao, lương, thưởng	816.343.767	878.644.525
Cao Trí Đức	Thù lao, lương, thưởng	-	933.464.450
Võ Hồng Hà	Thù lao, lương, thưởng	722.174.972	-
Võ Thị Bích Ngọc	Thù lao, lương, thưởng	330.576.140	900.669.939

4 . Thông tin về Báo cáo bộ phận

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm sơn. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.
- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thục Thanh	Huỳnh Thanh Tâm	Lê Đình Quang